TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21/3/2019

V/v tranh chấp: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Phan Thị Kim Thoa.**

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà **LÝ Thị Bé Năm.**

2. Ông **Cao Châu Tiếp.**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà*: Bà **Lê Thị Kim Thoa,** cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Liễu,** kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 3 năm 2019 tại Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số: 401/2018/TLST-HNGĐ ngày 13/12/2018 về tranh chấp: "Xin ly hôn".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/3/2019 giữa các đương sự:

***** *Nguyên đơn***:** Bà Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1993. (Có mặt)

- Địa chỉ: Ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

***** *Bị đơn***:** Ông Dương Văn T, sinh năm 1985. (Có mặt)

- Địa chỉ: Ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lyời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc L trình bày:*

Tôi và chồng là Dương Văn T sống chung vợ chồng có đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại UBND xã M, quá trình sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn từ việc nhỏ đến việc lyớn, dẫn đến cãi nhau lyiên tục. Đã đến lúc tôi nhận thấy đời sống hôn nhân không thể kéo dài vì mục đích hôn nhân không đạt được. Nay tôi yêu cầu tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Cho tôi được ly hôn với ông Dương Văn T.

- Về con chung: có 02 con chung tên Dương Thị Khánh V, sinh ngày 29/6/2010 và Dương Thị K V, sinh ngày 13/10/2013. Sau khi ly hôn tôi yêu cầu giao con chung cho ông T nuôi dưỡng tôi không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Dương Văn T trình bày:*

Thống nhất với ý kiến bà L về quá trình kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung. Nay đối với yêu cầu của bà L ông có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: tôi không đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Trúc L

- Về con chung: có 02 con chung như lyời bà L trình bày, nếu Tòa án cho ly hôn tôi đồng ý nuôi 2 con chung không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tuân theo đúng pháp lyuật tố tụng.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc bà L, ông T trình bày tại tòa vợ chồng mâu thuẫn cãi vã nhiều lần, nhưng mâu thuẫn giữa vợ chồng chưa lyớn, bà L trình bày vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm dẫn đến cự cãi nhưng tại phiên tòa bà không đưa ra được mâu thuẫn cụ thể của vợ chồng là gì, ông T mong muốn vợ chồng đoàn tụ hàn gắng tình cảm vợ chồng, để cùng nhau xây dựng gia đình nuôi dạy con cái, xét thấy mâu thuẫn này có thể hàn gắn được, đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Trúc L, về con chung: do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L nên không xem xét giải quyết về con chung. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Đây lyà quan hệ tranh chấp "Xin ly hôn" theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39 Bộ lyuật tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị Trúc L và ông Dương Văn T tổ chức lyễ cưới vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống hạnh phúc thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm vợ chồng thường xuyên cải vã, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

Về con chung: có tên Dương Thị Khánh V, sinh ngày 29/6/2010 và Dương Thị K V, sinh ngày 13/10/2013. Sau khi ly hôn bà L yêu cầu ông T nuôi dưỡng con chung, bà L không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông T trình bày trường hợp Tòa án cho ly hôn ông có nguyện vọng nuôi dưỡng 2 con chung, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Phía bà L cũng đồng ý để ông T nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn và bà không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại biên bản xác minh ngày 19/01/2019 UBND xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang thông tin về mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông T "không nắm rõ". Xét thấy, tại phiên tòa ông T tha thiết mong muốn đoàn tụ với bà L để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy 02 con nên người. Cháu Khánh V cũng có mặt tại phiên tòa trình bày nguyện vọng mong cha mẹ đoàn tụ hàn gắn tình cảm để cháu và em được sống cùng cha và mẹ. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1968 cha ruột bà L cũng có mặt tại phiên tòa trình bày: mâu thuẫn vợ chồng của L và T chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống thường ngày, đồng thời thể hiện nguyện vọng của ông là mong muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm gia đình, để các cháu được cùng ở với cả cha lẫn mẹ.

Theo lời ông T trình bày tại phiên tòa thì vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, vợ chồng vẫn còn sống chung nhà. Về phía bà L trình bày mâu thuẫn trầm trọng, nhưng tại phiên tòa bà không trình bày được là mâu thuẫn cụ thể về vấn đề gì và trình bày nguyên nhân chính dẫn đến việc bà xin ly hôn là do ông T cờ bạc không lo cho cuộc sống

gia đình. Tuy nhiên tại phiên tòa bà cũng thừa nhận trước đây ông T có cờ bạc dẫn đến nợ nần nhưng đã trả xong, hiện ông T đã lo làm ăn, xây dựng kinh tế gia đình. Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng bà L và ông T không thuộc căn cứ cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của bà L và ông T là chưa trầm trọng, tình cảm vợ chồng có thể hàn gắn được, nên cần thiết không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Trúc L.

Về tài sản chung, nợ chung: bà L, ông T thống nhất khai không có. Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Trúc L nên về con chung, tài sản chung, nợ chung HĐXX không đặt ra xem xét.

Bà Nguyễn Thị Trúc L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Xét ý kiến Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lyẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Trúc L về việc xin ly hôn với ông Dương Văn T.

- Về án phí: bà Nguyễn Thị Trúc L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, bà L đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001965 ngày 10/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, cấn trừ nên xem như bà L đã nộp xong án phí hôn nhân sơ thẩm.

Bà L, ông T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- LYưu hồ sơ, án văn.

Phan Thị Kim Thoa